

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm, tương đồng với diễn biến thị trường chứng khoán thế giới trong bối cảnh giới đầu tư toàn cầu lạc quan về cuộc họp chính sách của FED đang diễn ra

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL giảm nhẹ do diễn biến giảm co của chỉ số cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

FPT, NTC

[Cập nhật công ty]

DRC

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị ưu tiên tập trung vào việc quản lý và cân bằng lại tỷ trọng nắm giữ

15/06/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,367.36	+0.41
VN30	1,487.04	-0.57
HĐTL VN30F1M	1,491.00	-0.43
HNXIndex	318.29	-0.23
HNX30	499.34	-0.05
UPCoM	88.87	+0.05
USD/VND	22,950	-0.21
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.20	+1
Lãi suất qua đêm (%)	1.12	+17
Dầu (WTI, \$)	71.10	+0.31
Vàng (LME, \$)	1,863.44	-0.15



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,367.36 (+0.41%)
KLGD (triệu CP) 730.9 (+3.8%)
GTGD (triệu US\$) 1,064.3 (-3.4%)

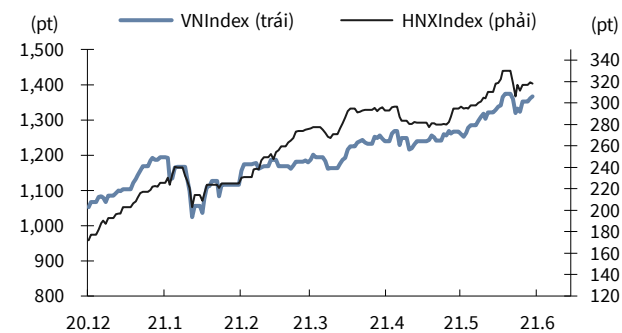
HNXIndex 318.29 (-0.23%)
KLGD (triệu CP) 225.6 (+35.7%)
GTGD (triệu US\$) 180.1 (+3.6%)

UPCoM 88.87 (+0.05%)
KLGD (triệu CP) 86.8 (-34.2%)
GTGD (triệu US\$) 56.8 (-21.1%)

TTCK Việt Nam tăng điểm, tương đồng với diễn biến thị trường chứng khoán thế giới trong bối cảnh giới đầu tư toàn cầu lạc quan về cuộc họp chính sách của FED đang diễn ra. Theo thông tin tại cuộc họp báo Chính phủ thường kỳ tháng 5/2021, tín dụng toàn ngành 5 tháng đầu năm tăng trưởng 4.67% giúp cổ phiếu ngân hàng tăng giá ở HDB (+1.9%), VCB (+0.8%). HSBC mới đây cảnh báo về rủi ro đối với lĩnh vực bất động sản nếu thị trường có dấu hiệu nóng lên khiến cổ phiếu bất động sản giảm giá ở DXG (-0.8%), NTL (-0.4%). Theo dự báo của Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA), Việt Nam sẽ đạt sản lượng gạo thấp hơn trong niên vụ 2021-2022 và đứng vị trí thứ 3 trong xuất khẩu gạo toàn cầu năm 2022, sau Ấn Độ và Thái Lan khiến cổ phiếu nhóm gạo giảm giá ở TAR (-2.7%), LTG (-0.2%). Khối ngoại mua ròng ở VIC (1.4%), PLX (-0.4%), VRE (+2.8%).

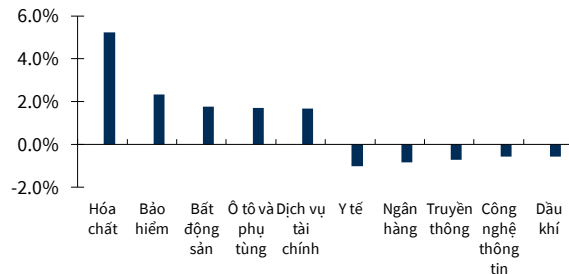
NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +5.2

VNIndex & HNXIndex



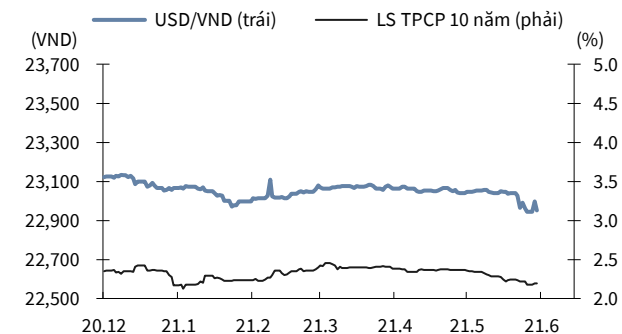
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

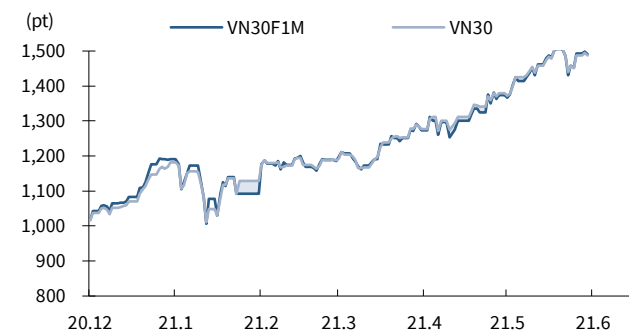
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30 1,487.04 (-0.57%)
VN30F1M 1,491.0 (-0.43%)
Mở cửa 1,498.1
Cao nhất 1,505.8
Thấp nhất 1,486.1

HĐTL giảm nhẹ do diễn biến giằng co của chỉ số cơ sở. Chênh lệch F2106 và VN30 mở cửa ở mức 4.29 và giao động trong biên độ 0.89 và 8.88, đóng cửa ở mức 3.96. NĐTNN bán ròng trong phiên hôm nay. Thanh khoản thị trường tăng nhẹ.

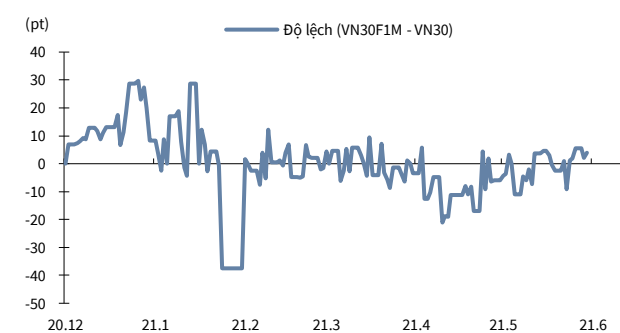
KLGD (HĐ) 249,003 (+21.5%)

HĐTL VN30F1M & VN30



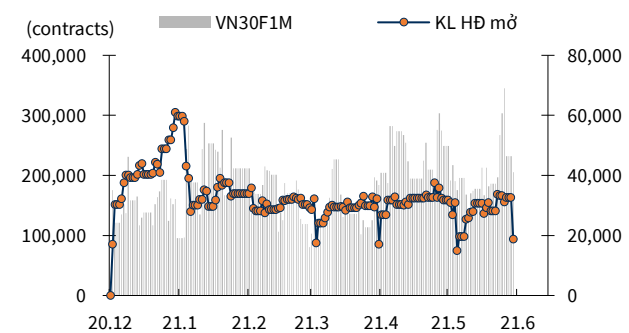
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



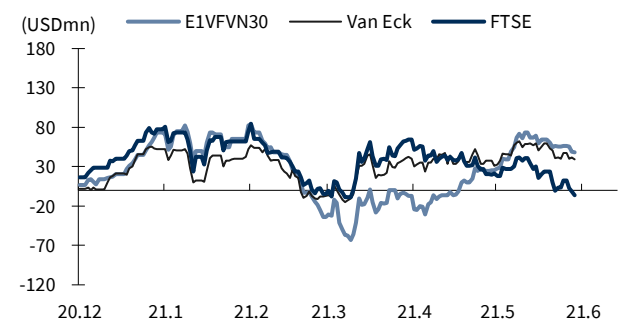
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

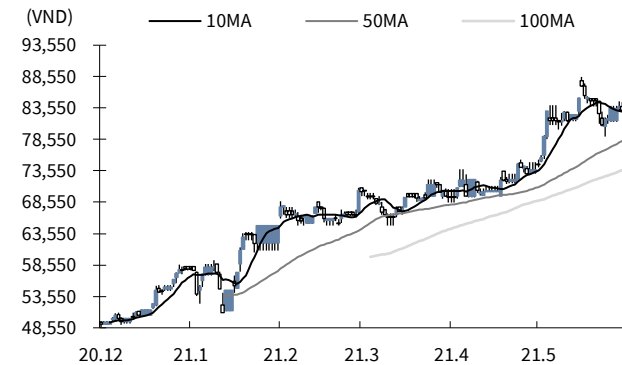
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

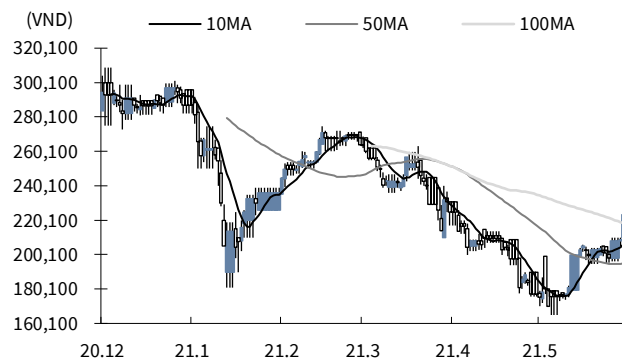
Tập đoàn FPT (FPT)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- FPT giảm -0.7% xuống 83,200 VNĐ/cp.
- CTCP FPT công bố kết quả kinh doanh 5 tháng đầu năm 2021 với lợi nhuận trước thuế đạt 2,428 tỷ đồng (+21.8% YoY) và doanh thu 13,279 tỷ đồng (+18,6% YoY). Doanh thu ký mới của dịch vụ CNTT nội địa tăng trưởng 87.5% và thị trường nước ngoài tăng 52%. Theo đó, FPT hoàn thành 39% kế hoạch lợi nhuận trước thuế sau 5 tháng.

Khu công nghiệp Nam Tân Uyên (NTC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- NTC tăng 7.7% lên 222,900 VNĐ/cp.
- Khu công nghiệp Nam Tân Uyên dự kiến chia cổ tức năm 2020 bằng tiền tỷ lệ 100%. Trong đó, doanh nghiệp đã chi 96 tỷ đồng để tạm ứng tỷ lệ 60% và sẽ tiếp tục chi tiếp 144 tỷ đồng để thanh toán cổ tức còn lại.
- NTC dự tính lợi nhuận sau thuế năm 2021 đạt 226.8 tỷ đồng (-22% YoY) và doanh thu đi ngang ở mức 472 tỷ đồng.

CTCP Cao Su Đà Nẵng (DRC)

1Q2021, LNST tăng 70.1% YoY

15/06/2021

1Q2021, LNST đạt 63.7 tỷ đồng, tăng 70.1% YoY

1Q2021, DRC duy trì tăng trưởng tích cực với lợi nhuận đạt 63.7 tỷ đồng (+70.1% YoY) và doanh thu đạt 912.32 tỷ VND, tăng 13.61% YoY, trong đó lớp Bias tăng 15.8% YoY, lớp Radial 13.9% YoY nhờ sản lượng tiêu thụ khả quan.

BLN gộp duy trì ở mức cao 18.2%

Biên lợi nhuận gộp chung đạt 18.2% và tăng so với mức 14.7% cùng kỳ chủ yếu nhờ chi phí khấu hao giảm mạnh do máy móc của nhà máy Radial giai đoạn 1 đã trích hết khấu hao.

Triển vọng tăng trưởng dài hạn nhờ mở rộng công suất nhà máy Radial từ mức 600,000 lốp/năm lên 1,000,000 lốp/năm

DRC đã thông qua kế hoạch nâng công suất sản xuất lớp Radial từ 600,000 lốp/ năm lên 1,000,000/năm với tổng mức đầu tư 830 tỷ đồng, bắt đầu triển khai từ quý 4/2021 đến quý 2/2024. Theo đó, tỷ lệ chi phí vốn đầu tư cơ bản/lớp xe cho giai đoạn 3 chỉ bằng 2/3 so với 2 giai đoạn đầu sẽ giúp cải thiện biên lợi nhuận của doanh nghiệp trong dài hạn.

Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 34,700 VND/cp

Dựa trên kết quả định giá, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các yếu tố rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi duy trì khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu DRC. Giá mục tiêu là 34,700 VND/cp, cao hơn 18.3% so với giá tại ngày 14/06/2021.

MUA

Giá mục tiêu VND 34,700

Tăng/giảm (%)	27.2%
Giá hiện tại (14/06/2021)	VND 27,300
Vốn hóa thị trường (tỷ VND)	3,243.0

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	45.8%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND)	40.7/1.8
Sở hữu nước ngoài còn lại (%)	41.1%
Cổ đông lớn nhất	VINACHEM
	50.51%

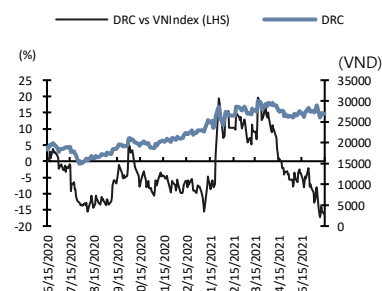
Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
DRC	0.6%	-8.5%	17.4%	39.6%
VNIndex	7.7%	14.5%	23.7%	59.1%

Dự phóng KQKD & định giá

FY-End	2018A	2019A	2020A	2021F
Doanh thu thuần (Tỷ VND)	3,551.1	3,858.1	3,646.6	4,193.1
Tốc độ tăng trưởng (%)	-3.22%	8.65%	-5.48%	14.98%
Lợi nhuận gộp (tỷ VND)	431	571	599	792
Biên lợi nhuận gộp (%)	12.13%	14.81%	16.44%	18.90%
Lợi nhuận ròng (tỷ VND)	141	251	256	387
Tốc độ tăng trưởng (%)	-15.11%	77.74%	2.31%	51.05%
EPS (VND)	1,187	2,109	2,158	3,259
Tăng trưởng EPS	-15.11%	77.74%	2.31%	51.05%
P/E	23.0	12.9	12.7	8.4

Nguồn: Bloomberg, KBSV



Nguồn: Bloomberg, KBSV

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

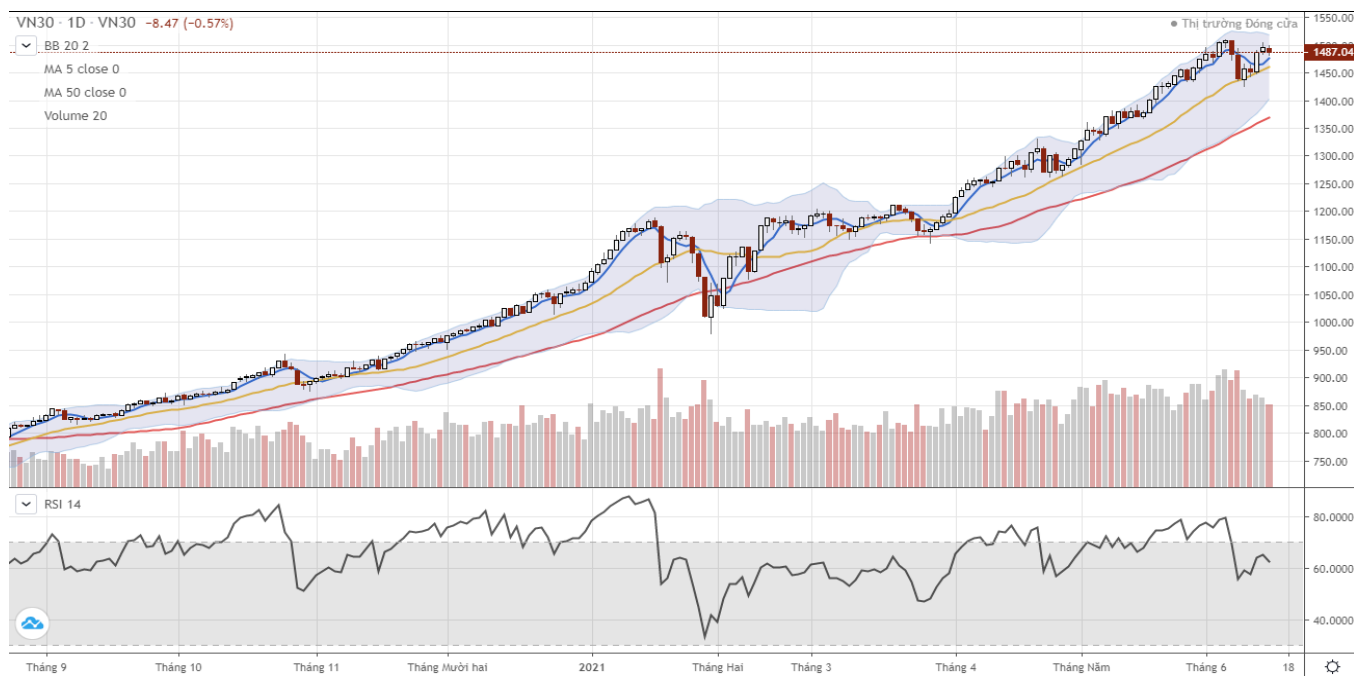
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex tiếp tục xu hướng hồi phục nhẹ nhưng với các nhịp trời sụt liên tiếp trong phiên.
- Mặc dù xu hướng tăng đang được duy trì nhưng sự xuất hiện của các mẫu nến trung tính đang cho thấy xung lực đi lên đã có phần bị giảm sút. Đây là tín hiệu cần được theo dõi và phản ánh rủi ro quay lại nhịp điều chỉnh nếu có thêm 1 phiên phân phối xác nhận.
- NĐT được khuyến nghị ưu tiên tập trung vào việc quản lý và cân bằng lại tỷ trọng nắm giữ.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1516 - 1521

Kháng cự gần: 1500 - 1505

Hỗ trợ gần: 1468 - 1472

Hỗ trợ xa: 1459 - 1464

- F1 trải qua diễn biến khá giằng co và giảm nhẹ về cuối phiên.
- Chỉ số tiếp tục hình thành thêm 1 mẫu nền spinning trung tính và rủi ro điều chỉnh sẽ tăng dần nếu F1 không sớm vượt qua vùng kháng cự quanh 1510.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Giao dịch linh hoạt 2 chiều, LONG tại hỗ trợ, SHORT tại kháng cự.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Tiếp tục nắm giữ, chỉ đóng vị thế nếu đánh mất vùng hỗ trợ xa trong phiên.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

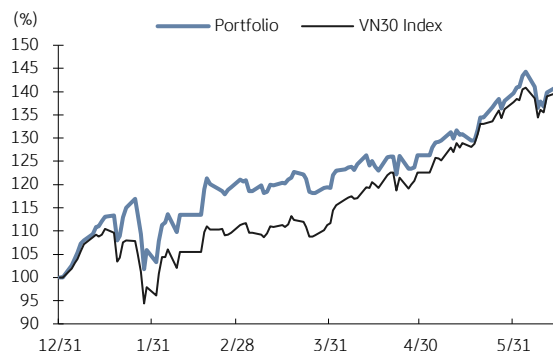
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-0.57%	0.60%
Tăng lũy kế (YTD)	38.88%	41.83%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 15/06/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	137,900	-0.1%	19.0%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	39,250	0.9%	60.5%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	96,000	-1.0%	25.2%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	39,300	0.0%	131.3%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	56,900	2.5%	67.4%	- Mảng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	83,200	-0.7%	185.8%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	52,100	-0.8%	113.5%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	88,700	-0.9%	20.8%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	53,200	-0.7%	267.5%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbaco City Development (KBC)	09/03/2020	37,850	6.9%	176.3%	- Giá bán khu đô thị Trảng Dục cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VIC	1.4%	14.1%	104.6
PLX	-0.4%	17.0%	96.9
VRE	2.8%	30.4%	84.9
VHM	2.5%	22.6%	70.2
PDR	1.2%	2.9%	64.8

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
KDC	1.7%	25.4%	-307.9
VPB	-6.2%	15.5%	-95.1
KBC	6.9%	19.9%	-71.1
MBB	0.0%	21.8%	-68.8
LPB	-5.5%	3.4%	-37.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VND	2.8%	21.0%	17.8
NBC	-2.2%	5.6%	0.8
PVI	-2.5%	54.9%	0.5
MBG	0.0%	0.1%	0.3
NRC	3.0%	7.6%	0.3

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PAN	1.5%	35.6%	-9.5
PVC	-2.4%	5.6%	-4.9
BVS	-1.7%	9.4%	-2.5
TNG	-0.4%	3.3%	-1.9
SHS	5.6%	9.2%	-1.5

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	15.9%	SSI, VND
Bảo hiểm	8.6%	BVH, BMI
Hóa chất	7.6%	GVR, DGC
Tài nguyên Cơ bản	5.6%	HPG, HSG
Bất động sản	4.4%	VHM, VIC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-3.2%	YEG, ADG
Dầu khí	-0.5%	PVD, PLX
Y tế	0.3%	PME, DHG
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.0%	TMP, POW
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.0%	TCM, GMC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	35.1%	SSI, VND
Hóa chất	22.0%	GVR, DGC
Bảo hiểm	14.6%	BVH, MIG
Tài nguyên Cơ bản	12.2%	HPG, HSG
Ngân hàng	11.5%	VCB, CTG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	-7.4%	ADG, YEG
Bán lẻ	-1.0%	MWG, DGW
Xây dựng và Vật Liệu	1.2%	VGC, ROS
Dầu khí	2.2%	PVD, PLX
Ô tô và phụ tùng	2.3%	SVC, TMT

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ, USDmn)	GTGD (VNĐ triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1đ)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	110,000	372,067 (16,170)	270,631 (11.8)	22.5	59.9	44.7	14.7	7.8	9.5	4.4	3.9	1.4	1.6	-2.9	12.5
	VHM	VINHOMES JSC	103,200	339,478 (14,753)	468,374 (20.3)	26.6	12.1	11.2	35.9	31.2	26.8	3.2	2.6	2.5	6.9	15.8	25.8
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	216,987 (9.4)	17.8	25.7	20.7	-7.6	9.3	10.8	2.4	2.1	2.8	3.8	7.2	4.6
	NVL	NO VA LAND INVES	60,068	86,712 (3,768)	245,379 (10.7)	31.3	35.0	30.1	6.7	16.5	12.6	4.2	4.4	0.1	3.8	5.2	116.2
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	150,844 (6.6)	11.6	19.2	15.1	18.0	14.2	15.6	2.5	2.1	0.0	5.3	9.0	38.5
	DXG	DAT XANH GROUP	24,300	12,594 (547)	379,506 (16.5)	13.9	9.8	8.8	-	19.1	18.2	1.7	1.4	-0.8	-3.5	2.7	56.7
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	102,000	378,305 (16,441)	238,590 (10.4)	6.3	16.7	14.0	11.7	22.1	21.7	3.2	2.7	0.8	2.8	6.1	5.0
	BID	BANK FOR INVESTM	43,400	174,556 (7,586)	253,404 (11.0)	12.7	19.1	14.0	-5.3	12.0	14.6	2.0	1.7	0.0	0.2	6.0	-6.3
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	932,664 (40.5)	0.0	11.3	9.6	14.3	19.8	19.2	2.0	1.7	-0.8	5.7	7.5	66.0
	CTG	VIETNAM JS COMM	36,800	137,021 (5,955)	820,450 (35.6)	1.4	12.0	9.9	61.1	19.8	20.0	2.0	1.7	-0.8	6.3	10.9	50.8
	VPB	VIETNAM PROSPERI	41,300	101,381 (4,406)	2,886,988 (125.4)	0.0	11.8	10.4	18.8	21.6	18.5	2.2	1.8	-6.2	-7.0	-0.2	104.6
	MBB	MILITARY COMMERC	26,200	73,327 (3,187)	943,777 (41.0)	0.0	9.9	8.5	14.6	21.2	20.7	1.9	1.6	0.0	5.4	19.1	72.4
	HDB	HDBANK	25,500	40,641 (1,766)	217,084 (9.4)	4.2	9.8	8.2	23.3	21.8	21.2	1.9	1.6	1.9	7.6	11.4	46.3
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	1,217,130 (52.9)	14.0	25.9	17.7	26.5	8.8	11.0	1.8	1.6	-2.3	5.2	14.0	78.1
	TPB	TIEN PHONG COMME	27,850	28,732 (1,249)	199,537 (8.7)	0.0	8.4	7.1	37.5	23.0	21.4	1.8	1.4	-0.8	2.9	12.7	34.3
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	34,420 (1.5)	0.2	43.4	23.6	27.3	5.8	10.0	2.1	2.0	-1.3	-2.3	9.9	55.8
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	65,304 (2.8)	21.0	26.5	23.5	15.2	8.4	9.0	2.2	2.0	2.0	7.4	9.7	-7.3
	BMI	BAOMINH INSURANC	26,700	2,439 (106)	29,985 (1.3)	14.2	16.6	13.0	9.1	9.7	11.7	1.4	1.3	7.0	18.5	18.1	15.4
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	33,300	19,947 (867)	738,448 (32.1)	55.4	21.3	16.6	-3.2	14.3	16.2	-	-	0.0	18.2	47.3	57.1
	VCI	VIET CAPITAL SEC	55,000	9,108 (396)	213,603 (9.3)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	4.1	28.3	39.2	75.3
	HCM	HO CHI MINH CITY	29,200	8,907 (387)	256,895 (11.2)	52.4	21.5	-	-19.0	17.1	-	3.0	-	6.5	20.9	26.8	43.0
	VND	VNDIRECT SECURIT	17,211	5,734 (249)	309,038 (13.4)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	2.8	36.3	74.2	138.1
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	338,673 (14.7)	42.1	18.8	17.7	4.0	34.1	34.7	5.8	5.5	0.4	3.6	3.8	-14.6
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	34,113 (1.5)	36.9	22.0	19.1	7.3	23.2	23.6	4.6	4.2	1.8	7.5	8.8	-13.6
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	196,835 (8.5)	16.5	46.5	26.5	-51.9	12.9	17.9	6.1	4.9	-0.4	2.4	-1.5	19.8
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	113,531 (4.9)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	0.5	1.9	-1.8	-25.8
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	59,549 (2.6)	11.0	156.0	23.9	-88.5	3.8	16.6	3.4	2.8	1.1	-0.2	-0.8	-6.4
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	118,775 (5.2)	10.8	25.5	18.6	-57.0	8.6	11.5	2.0	1.9	0.0	9.2	18.1	29.3
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	48,339 (2.1)	38.4	14.5	8.8	65.7	6.5	9.9	1.1	1.0	-1.1	-2.4	-	-13.3
Công nghiệp (Trư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	145,723 (6.3)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-0.6	0.5	-	158.5
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	17,224	10,411 (452)	135,728 (5.9)	37.7	10.4	15.6	-12.7	12.6	14.8	-	-	1.3	0.9	12.0	27.6
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	30,405 (1.3)	3.6	14.2	12.6	-52.4	4.0	4.4	0.5	0.5	-0.2	2.1	10.4	-19.0
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	41,423 (1.8)	0.0	9.5	7.8	-4.5	14.8	15.2	1.3	1.2	2.5	1.6	1.6	16.2

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND tỷ, USD mn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	81,697 (3.5)	46.1	16.9	15.7	-17.5	20.2	20.3	3.2	3.0	-0.9	0.7	5.5	2.4
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	8,089 (0.4)	31.4	13.5	8.7	-10.5	10.5	16.3	-	-	2.5	6.2	1.7	-16.7
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	6,115 (0.3)	34.1	9.6	9.7	-5.1	12.2	13.4	1.2	1.3	0.8	1.1	-12.6	-2.0
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	1,786,474 (77.6)	18.0	8.8	8.3	21.9	38.9	28.5	2.6	2.0	-0.7	6.4	17.0	73.3
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	33,917 (1.5)	36.5	11.9	13.4	-0.5	9.3	7.8	1.0	1.0	-0.2	4.9	10.1	13.3
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	72,195 (3.1)	46.5	18.9	18.4	-4.5	9.3	9.0	1.6	-	-0.3	9.3	10.2	38.9
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	513,214 (22.3)	38.9	7.0	8.3	67.9	38.0	24.1	2.3	1.8	2.5	9.0	25.1	107.8
	AAA	AN PHÁT BIOPLAST	14,150	3,138 (136)	76,779 (3.3)	97.2	10.0	9.2	17.2	10.5	11.0	1.0	-	6.8	11.7	10.9	19.8
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	227,637 (9.9)	4.6	20.2	16.7	-51.0	15.7	16.7	2.8	2.7	-0.4	0.2	0.0	0.4
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	223,640 (9.7)	39.9	45.3	22.2	-11.9	1.5	3.3	0.6	0.6	-2.0	-5.1	11.7	38.6
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	108,570 (4.7)	35.9	9.9	9.3	1.2	13.6	13.4	1.3	1.2	0.0	8.7	28.5	51.4
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	139,500	65,024 (2,826)	107,108 (4.7)	0.0	12.7	10.1	13.7	28.1	28.3	3.2	2.6	-0.1	1.4	-3.2	16.0
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	44,560 (1.9)	0.0	16.4	13.0	2.4	24.3	23.8	3.5	2.9	-1.0	0.0	1.9	18.5
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	2,599 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-0.5	-5.7	-2.9	-53.6
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	29,291 (1.3)	30.3	21.0	14.7	-75.2	8.5	11.8	1.8	1.6	3.3	8.1	3.9	-12.5
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	45,950 (2.0)	34.6	8.2	12.2	41.2	27.6	19.9	2.1	-	3.5	2.0	8.0	-10.2
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	2,214 (0.1)	45.4	17.0	15.6	10.7	20.5	20.7	3.3	2.9	-0.5	-0.9	0.5	-8.2
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	220 (0.0)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-5.9	-5.9	-1.9	0.7
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	240,633 (10.4)	0.0	18.9	15.5	15.6	25.6	26.4	4.1	3.7	-0.7	3.0	12.8	61.9

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:
Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:
Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:
Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:
Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ
Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656
Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276
Email: ccc@kbsec.com.vn
Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu (dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)		
Mua:	Nằm giữa:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành (dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)		
Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.